

TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024-2025. MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần 1. Kiến thức trọng tâm

* Văn bản:

- Thể loại:
- + Văn bản thể loại thơ (Bài 1): Thơ Tám chữ; Thơ Tự do.
- + Văn bản thông tin (Bài 3): VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn
- Chủ điểm: Thương nhớ quê hương; Những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

* Tiếng Việt:

- Biện pháp tu từ: biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng
- phương tiện phi ngôn ngữ

* Tập làm văn:

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện hiện đại)

Phần 2. Định hướng cụ thể

1. Văn bản:

BÀI 1: THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG	
Thơ	
1. Khái niệm về Văn bản văn học: - Là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập cơ bản của văn học. - Văn bản văn học có thể tồn tại dưới dạng truyền miệng hoặc dưới dạng viết (văn tự) với quy mô có thể chỉ là một câu, vài dòng (tự ngữ, ca dao, ...) đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang (sử thi, tiểu thuyết, ...). - Về cấu trúc, văn bản văn học là một hệ thống phức tạp gồm hàng loạt yếu tố thuộc các bình diện khác nhau của nội dung và hình thức.	
2. Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố (bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp, ...) nhằm tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm.	
3. Kết cấu của bài thơ - Là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Kết cấu của bài thơ được biểu hiện ở mọi phương diện tổ chức của tác phẩm: sự lựa chọn thể thơ, sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định, sự triển khai mạch cảm xúc, sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ và các biện pháp tu từ,...	
4. Ngôn ngữ thơ - Ngôn ngữ thơ có đặc điểm hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối,... - Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ được thể hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn được thể hiện qua âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ, những yếu tố ấy góp phần làm tăng thêm hàm nghĩa cho	

bài thơ. Những đặc điểm trên khiến cho bài thơ dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc và khắc sâu trong tâm trí họ.

văn bản 1: *Quê hương (Tế Hanh)*

- **Chủ đề:** Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả

- **Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu:**

Hình ảnh con thuyền: *hăng như con tuấn mã, phăng mái chèo*; hình ảnh cánh buồm: *giương to như mảnh hồn làng/ rướn thân trắng*; hình ảnh dân chài: *da ngăm rám nắng/ cả thân hình nồng thở vị xa xăm*,...

- **Biện pháp tu từ chủ yếu:** So sánh, nhân hoá

- **Cách gieo vần:** Vần chân, vần liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ nằm*), vần cách (*vôi/ khơi*)

- **Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động của người dân làng chài

văn bản 2 : *Bếp lửa (Bằng Việt)*

- **Chủ đề:** Hình ảnh bếp lửa và hình ảnh người bà luôn theo suốt cuộc đời của tác giả, đã trở thành những trang kí ức âm áp thiêng liêng

- **Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu:**

Hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa: *chờn vờn sương sớm, ấp iu nồng đượm*,...; hình ảnh bà: *ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng, dạy cháu làm, chăm cháu học, nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm, nhóm yêu thương*,...

- **Biện pháp tu từ chủ yếu:** Ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ

- **Cách gieo vần:** Vần chân, vần liền (*xa/ bà, thê/ về, nhọc/ học, rụi/ lụi, bùi/ vui*)

Vần chân, vần thông (*khói/ mối, Huế/ thê*,...)

- **Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng ngợi ca hình ảnh bếp lửa âm áp, thiêng liêng được nhóm lên từ bàn tay và tấm lòng của bà

BÀI 2: NHỮNG DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG

Văn bản thông tin

1. Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử

- *Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử* thuộc loại văn bản thông tin, cung cấp cho người đọc thông tin về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

- *Về cấu trúc*, kiểu văn bản này thường có ba phần:

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

+ Phần nội dung: giới thiệu có hệ thống những phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. Nội dung có thể trình bày thông tin về vị trí địa lí, lịch sử hình thành, nhân vật lịch sử có liên quan, đặc điểm kiến trúc/ cảnh quan, vẻ đẹp/ sức hấp dẫn, cách thức tham quan...

+ Phần kết thúc: nhận xét khái quát về giá trị của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử trong đời sống văn hóa, tinh thần của con người; có thể bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

- *Về đặc điểm hình thức:* Có thể sử dụng các đề mục làm nổi bật thông tin chính; một số từ ngữ chuyên ngành (kiến trúc, lịch sử, địa lí, sinh vật...); từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm; hình ảnh minh họa, sơ đồ/ bản đồ chỉ dẫn...

- *Về cách trình bày thông tin:* Thông tin thường được trình bày theo trình tự thời gian, theo trật tự không gian, theo cách phân loại đối tượng (ví dụ: phân loại các đặc điểm kiến trúc, tự nhiên, xã hội,... của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử),... Để giúp người đọc dễ dàng hình dung về đặc điểm kiến trúc, cảnh quan, vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử và tác động đến cảm xúc của người đọc, người viết có thể sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.

2. Bài phỏng vấn

- *Bài phỏng vấn* thuộc văn bản thông tin, trình bày nội dung cuộc trao đổi về một chủ đề nhất định, trong đó người phỏng vấn đặt câu hỏi và người được phỏng vấn trả lời. Có nhiều cách phân loại bài phỏng vấn. Chẳng hạn: về phương pháp phỏng vấn, có bài phỏng vấn cá nhân, bài phỏng vấn nhóm; về cách thức phỏng vấn, có phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn gián tiếp (qua điện thoại).
- *Về bố cục*, bài phỏng vấn thường có ba phần:
 - + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát mục đích và/ hoặc nội dung chính của buổi phỏng vấn.
 - + Phần nội dung: lần lượt trình bày hệ thống câu hỏi và câu trả lời liên quan đến vấn đề/ đối tượng cần phỏng vấn.
 - + Phần kết thúc: lời cảm ơn và/ hoặc lời chúc của người phỏng vấn.
- *Về hình thức*, bài phỏng vấn có những đặc điểm sau: phân biệt hệ thống câu hỏi và câu trả lời bằng cách dùng kí hiệu, màu sắc, kiểu chữ,...; sử dụng hệ thống câu hỏi mở và thuật ngữ chuyên ngành, số liệu, dữ kiện,... để thu thập thông tin về vấn đề/ đối tượng cần phỏng vấn; có thể kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu, ...) để làm nổi bật những thông tin quan trọng trong câu trả lời.

3. Phương tiện phi ngôn ngữ

- Trong văn bản thông tin, người viết thường sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ,...) để trình bày thông tin một cách trực quan và làm nổi bật những thông tin quan trọng. Ngoài ra, trong một số trường hợp, phương tiện phi ngôn ngữ có thể cung cấp thêm thông tin về đối tượng chưa được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ.

Văn bản 1: Vườn quốc gia Cúc Phương

- Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin Giới thiệu về một danh lam thắng cảnh
- Cấu trúc: 3 phần.
 - + Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về Vườn Quốc gia Cúc Phương
 - + Phần nội dung: Giới thiệu hệ thống những phương diện khác nhau (*quần thể động, thực vật; cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hoá*) làm nên sức hấp dẫn, thú vị của rừng Cúc Phương
 - + Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của rừng Quốc gia Cúc Phương; bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho khu rừng.

Văn bản 2: *Ngọ Môn*

- Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin Giới thiệu về một di tích lịch sử
- Cấu trúc: 4 phần.
 - + Sapo
 - + Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về di tích lịch sử Ngọ Môn ở Huế
 - + Phần nội dung: Giới thiệu một cách có hệ thống những phương diện khác nhau (đặc điểm kiến trúc, nét riêng trong cách trang trí) làm nên giá trị biểu tượng của Ngọ Môn trong kiến trúc cung đình Huế
 - + Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của di tích Ngọ Môn; bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho di tích

2. Tiếng Việt:

Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần	Phương tiện phi ngôn ngữ
1. Chơi chữ: * Khái niệm: chơi chữ là BPTT sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước	Khái niệm và công dụng: Phương tiện phi ngôn ngữ - Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong các VBTT:

* **Tác dụng:** tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản.

* **Phân loại**

- Hiện tượng đồng âm
- Lối nói gần âm
- Cách điệp âm
- Lối nói lái
- Lối tách từ...

* **Phạm vi sử dụng:**

- Trong sáng tác văn chương (đặc biệt trong thơ văn trào phúng).
- Trong cuộc sống hàng ngày.

VÍ DỤ

Vd1

Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói xem quẻ nói rằng:
Lợi thì có **lợi**, nhưng răng không còn?
(Ca dao)

- **Lợi 1:** lợi ích.

- **Lợi 2:** phần thịt bao quanh chân răng.

◇ Âm giống nhau – Nghĩa khác nhau => **Hiện tượng đồng âm**. Tạo ra sự hài hước, dí dỏm, làm tăng sức hấp dẫn cho bài ca dao.

Vd2

*Con cá đối bỏ trong cối đá,
Con mèo cái nằm trên mái kèo,
Trách cha mẹ em nghèo, anh nữ phụ duyên em*

- Cá đối ⇔ cối đá

- Mèo cái ⇔ mái kèo

◇ **Dùng lối nói lái:** lời trách móc của cô gái đối với người yêu

2. Điệp thanh:

* **Khái niệm:** là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường cùng thanh bằng hoặc cùng thanh trắc).

* **Tác dụng:** tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.

Ví dụ

*Khí trời quanh tôi làm bằng tơ
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ.
(Xuân Diệu)*

hai câu thơ đều sử dụng thanh bằng.

=> Gợi ra một không gian rất nhẹ và thơ, tăng sức tạo hình và sức biểu cảm cho sự diễn đạt, góp phần làm nên tính nhạc cho đoạn thơ.

3. Điệp vần:

hình ảnh, bản đồ, bản thiết kế kiến trúc, mô hình, bảng biểu

→ Vai trò: minh họa trực quan cho nội dung thông tin được trình bày trong VB, giúp những thông tin ấy trở nên dễ hình dung, cụ thể, sinh động hơn với người đọc.

* Khái niệm: là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần giống nhau. * Tác dụng: tăng sức biểu cảm và nhạc tính cho văn bản. Ví dụ: <i>Lá bàng đang đỏ ngọn cây</i> <i>Sếu giang mang lạnh đang bay giữa trời</i> <i>(Tố Hữu, Tiếng hát sang xuân)</i> “bàng, đang, giang, mang, đang” - Lặp lại các âm tiết có vần “ang”. => Tạo nên tính nhạc cho hai dòng thơ, đồng thời gợi cho người đọc hình dung về một không gian rộng lớn, khoáng đạt.	
--	--

3. Viết

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện hiện đại)

DÀN Ý

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả		
	Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm(chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật)		
Thân bài	Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề		
	Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm		
Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu		
	Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn		
	Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng		
	Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết		

Phần 3. Câu hỏi và bài tập

Bài tập 1: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

HƠI ẤM Ồ RƠM

(Nguyễn Duy)

Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm

Bà mẹ đón tôi trong gió đêm:

- Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ

Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chăn chả đủ
Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm.
Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm,
Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng
Trong hơi ấm hơn nhiều chăn đệm
Của những cọng rơm xơ xác gầy gò.

Hạt gạo nuôi hết thấy chúng ta no
Riêng cái ấm nồng nàn như lửa
Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.
(In trong tập *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ sau: Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm

Câu 4. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 5. Bài học sâu sắc nhất em nhận được qua bài thơ trên là gì?

Câu 6. Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về khổ thơ cuối trong bài thơ “Hơi ấm ổ rơm” của Nguyễn Duy.

Bài tập 2: *Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:*

ME VÀ QUẢ
(Nguyễn Khoa Điềm)

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*

- 1982 -

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ gì, cho biết nhân vật trữ tình trong bài thơ ?

Câu 2. Ghi lại những danh từ có trong hai câu thơ sau:

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

Câu 3. Em hiểu hình ảnh *bàn tay mẹ mỏi* trong câu thơ *Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi* là gì, vì sao tác giả lựa chọn cách diễn đạt như vậy?

Câu 4. Xác định và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh trong hai câu thơ sau:

*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

Câu 5. Những thông điệp sâu sắc em đón nhận qua đoạn trích đã cho.

Bài tập 4: Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Mùa thu và mẹ

- *Lương Đình Khoa* ⁽¹⁾ –

*Mẹ gom lại từng trái chín trong vườn
Rồi rong ruổi trên nẻo đường lặng lẽ*

*Ôi, những trái na, hồng, ổi, thị, ...
Có ngọt ngào năm tháng mẹ vất vả chiu.*

*Con nghe mùa thu vọng về những thương yêu
Giọt mồ hôi rơi trong chiều của mẹ
Nắng mong manh đậu bên thật khẽ
Đôi vai gầy nghiêng nghiêng!
Heo may thổi xao xác trong đêm
Không gian lặng im...
Con chẳng thể chớp mắt
Mẹ trở mình trong tiếng ho thao thức
Sương vô tình đậu trên mắt rưng rưng!*

Chú thích:

(1) **Lương Đình Khoa** sinh năm 1985, là một người yêu thơ và làm thơ từ nhỏ. Quê quán: Huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Hiện sống và viết thơ văn tại Hà Nội. Anh đã xuất bản một số tác phẩm: *Khuôn mặt tình yêu* (Thơ – 2005), *Gió mùa thổi mãi* (Tập truyện ngắn – 2009), *Ai rồi cũng phải học cách quên đi một người* (Thơ – 2014), *Tuổi thanh xuân đôi chuyển tàu đi lạc* (Tản văn – 2014), *Về nhà đi* (Thơ, tản văn – 2016) ...

1. Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

2. Bài thơ thể hiện tình cảm của ai dành cho ai? Đó là tình cảm gì?

3. Hai câu thơ: "*Nắng mong manh đậu bên thật khẽ/Đôi vai gầy nghiêng nghiêng!*" gợi cho em suy nghĩ gì về hình ảnh người mẹ?

4. Qua bài thơ, tác giả Lương Đình Khoa gửi tới cho chúng ta bức thông điệp gì?

Bài tập 4: Luyện tập viết bài văn phân tích một truyện ngắn hiện đại mà em đã học trong chương trình ngữ văn lớp 6, 7, 8.